

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư thương mại và chợ Vực tại xã Hoàng Ngọc và xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư Lightland**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 22/03/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thương mại và chợ Vực, xã Hoàng Ngọc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét đề nghị tại Biên bản thẩm định kèm theo Công văn số 183/STNMT - BVMT ngày 11/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư thương mại và chợ Vực tại xã Hoàng Ngọc và xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần đầu tư Lightland; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 231/CV-LL ngày 22/01/2021 của công ty cổ phần đầu tư Lightland;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 63/Tr-STNMT ngày 27/01/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư thương mại và chợ Vực tại xã Hoàng Ngọc và xã Hoàng Tiến,

huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư Lightland (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hoằng Ngọc và xã Hoằng Tiến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa, Công ty cổ phần Đầu tư Lightland và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư thương mại và chợ Vực**  
**tại xã Hoàng Ngọc và xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của*  
*Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin chung dự án:**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư thương mại và chợ Vực tại xã Hoàng Ngọc và xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- + Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư Lightland .
- + Đại diện: Ông: Trịnh Cường Chức vụ: Tổng giám đốc
- + Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà H10, ngõ 475 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- + Điện thoại: 024 6666 9566
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư thương mại và chợ Vực tại xã Hoàng Ngọc và xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 97.766,96m<sup>2</sup> với các hạng mục công trình chính bao gồm: San nền; hệ thống đường giao thông, vỉa hè, cây xanh; nhà văn hóa; chợ; trường mầm non; hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:**

**2.1. Giai đoạn xây dựng:**

*2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 4,60 m<sup>3</sup>/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,3 m<sup>3</sup>/ngày; nước rửa tay chân khoảng 2,3 m<sup>3</sup>/ngày); Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 6,0 m<sup>3</sup>/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 76.023 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

*2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:*

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, hơi xăng,...

*2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,.....

- Chất thải rắn xây dựng: Chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật có khoảng 286,8 tấn; Bùn, đất hữu cơ trong quá trình bóc đất phong hóa đem đi đổ thải là: 13.855,45 tấn; chất thải rắn từ phá dỡ công trình hiện trạng: 2.918,5 tấn, bao gồm: bê tông, gạch vỡ : 1.256 tấn; ván, cửa gỗ vật liệu khác các loại: 153 tấn; sắt thép, tôn các loại: 312 tấn; Vật liệu trong xây dựng rơi vãi: 654,4 tấn; Dầu mỡ sắt thép thừa, gỗ cốp, bao bì xi măng: 543,1 tấn; Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng: 3.268 tấn.

#### *2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng 41,6 kg/toàn bộ quá trình thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 10 lít/toàn bộ quá trình thi công.

### **2.2. Giai đoạn vận hành:**

#### *2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án là 360,1m<sup>3</sup>/ngày.đêm, trong đó: Nước thải từ tắm, rửa tay, giặt: 187,7m<sup>3</sup>/ngày; Nước thải nhà vệ sinh: 120,4m<sup>3</sup>/ngày; Nước thải ăn uống: 44,1 m<sup>3</sup>/ngày; Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước thải phát sinh từ khu vực hàng tươi sống, khu giết mổ trong chợ: 7,8m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, mỡ động vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 115.604m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

#### *2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:*

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải... Thành phần bao gồm: Bụi, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>,...

#### *2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn phát sinh hoạt: Phát sinh từ khu dân cư có khoảng 1.680 kg/ngày.đêm; phát sinh từ khu vực chợ Vực của dự án có khoảng 495,5 kg/ngày.đêm; phát sinh từ khu vực nhà văn hóa và nhà trẻ có khoảng 166,5 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa caton, vỏ bao bì, thức ăn thừa...

- Bùn thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của dự án có khoảng 62,6 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình vệ sinh khu vực công cộng có khoảng 200kg/ngày.

#### *2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:*

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án có khoảng 32,65kg/tháng. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

#### 3.1. Giai đoạn xây dựng

##### 3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

##### \* **Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước  $d \times r \times h = 0,5 \text{m} \times 0,6 \text{m} \times 0,5 \text{m}$ ) để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 100m, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

##### \* **Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được thu gom về 02 hố lắng nước thải xây dựng có dung tích  $9 \text{m}^3$  (kích thước  $3,0 \text{m} \times 2 \text{m} \times 1,5 \text{m}$ ) bố trí tại 2 khu lán trại để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có kích thước: Dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít; Định kỳ 02 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

##### \* **Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng được thu gom về 02 về hố lắng nước thải xây dựng có dung tích  $9 \text{m}^3$  (kích thước  $3,0 \text{m} \times 2 \text{m} \times 1,5 \text{m}$ ) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

##### 3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Quét dọn vệ sinh ở các tuyến đường xung quanh khu đất dự án trong phạm vi bán kính 200m.

- Phun tưới nước 04 lần/ngày và tăng tần suất nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét tuyến huyện lộ 33 phía Nam dự án trong phạm vi 300m từ dự án về phía Đông.

- Xây dựng hàng rào bằng tôn cao 2,5m, dài 1.340m xung quanh khu đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công, các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét tuyến huyện lộ 33 phía Nam dự án trong phạm vi 300m từ dự án về phía Tây.

*3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:*

*a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 100 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

*b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng*

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:*

+ Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng và đường điện cũ: Tận dụng các loại bê tông, gạch để san nền dự án; các loại ván, cửa gỗ hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý; sắt thép, tôn các loại được thu gom cùng với các loại mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng phát sinh từ quá trình xây dựng và bán các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá...: làm lớp lót sân đường nội bộ.

+ Đối với đất, đá, gạch thải,...và đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng được tận dụng làm vật liệu san lấp sân đường nội bộ của dự án.

+ Bùn, đất hữu cơ trong quá trình bóc đất phong hóa được tận dụng một phần để trồng cây xanh, phần còn lại đưa về bãi đổ thải tại cánh đồng đầm trũng của xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:*

+ Trang bị 2 thùng đựng rác 100 lít/thùng tại khu lán trại và tiến hành thu gom, quét dọn hàng ngày sau giờ làm việc.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

*3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:*

Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại: 01 thùng dung tích 100 lít để chứa chất thải rắn nguy hại và 01 thùng dung tích 30 lít để chứa chất thải lỏng nguy hại, các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại kho chứa tại khu lán trại của dự án. Kết thúc quá trình thi công xây dựng đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

### 3.2. Giai đoạn vận hành

#### 3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

\* *Trách nhiệm của các hộ dân, đơn vị quản lý trường mầm non:*

- Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh; Xây dựng bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải nhà ăn; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi thải ra môi trường;

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước và đấu nối vào đường ống chờ do chủ đầu tư lắp đặt để dẫn về hệ thống thoát nước chung của dự án.

\* *Về trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Xây dựng bể tự hoại nhà văn hóa để xử lý sơ bộ nước thải vệ sinh sau đó dẫn vào cống thu gom nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

+ Xây dựng bể tách dầu mỡ, bể tự hoại cho chợ Vực để xử lý nước thải nhà vệ sinh và nước thải ăn uống tại chợ sau đó dẫn vào cống thu gom nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Khi dự án đi vào hoạt động bàn giao lại cho UBND xã Hoàng Ngọc để quản lý và vận hành. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được dẫn ra mương phía Tây Bắc dự án sau đó dẫn ra sông Cung.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 450 m<sup>3</sup>/ngày đêm, quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải → Bể thu gom kết hợp điều hòa → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước thải chung của khu vực → sông Cung.

Thể tích các bể xử lý nước thải của hệ thống xử lý NTKT như sau:

STT	Tên công trình	Thể tích bể (m <sup>3</sup> )	Kích thước xây dựng (m)
1	Bể gom kết hợp điều hòa	155	LxWxH = 9,4x5,5x3,0
2	Bể tách váng	22,5	LxWxH = 6,0x1,5x2,5
3	Bể hiếu khí - Aerotank	78	LxWxH = 5,0x5,2x3,0
4	Bể lắng	30	LxWxH = 5,0x2,0x3,0
5	Bể khử trùng	30	LxWxH = 5,0x2,0x3,0
6	Bể sự cố	450	LxWxH = 14,3x9,0x3,5

\* *Trách nhiệm của UBND xã Hoàng Ngọc*

- Quản lý, bảo trì, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường;

- Bố trí kinh phí để vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện việc quan trắc nước thải theo định kỳ; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; đào tạo cán bộ vận hành hệ thống,...

### 3.2.2. Về bụi, khí thải:

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

- Trồng cây xanh khu vực công viên các vị trí quy hoạch.

- *Trách nhiệm của các hộ dân, đơn vị quản lý chợ; trường mầm non:*

- + Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

- + Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm;

- + Đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.

- *Trách nhiệm của UBND xã Hoàng Ngọc:*

- + Thuê đơn vị thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

- + Những ngày nắng nóng phun nước tưới cây, rửa đường trong khu dân cư bằng xe tưới nước chuyên dụng.

- + Vận hành, kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh.

### 3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

- Xây dựng 2 khu tập kết chất thải rắn bố trí tại phía Tây Bắc (bên cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung) và phía Đông Nam (góc phía Đông khu để xe) mỗi khu tập kết có diện tích 80m<sup>2</sup>, xây tường bao che, mái lợp tôn che chắn, bên trong bố trí 4 thùng dung tích 0,5m<sup>3</sup>/thùng có nắp đậy và bánh xe đẩy.

- *Trách nhiệm của các hộ dân, đơn vị quản lý chợ, trường mầm non:*

- + Khu vực bếp nấu của khu chợ, nhà trẻ bố trí mỗi công trình 1 thùng đựng rác 50 lit để chứa thức ăn thừa.

- + Rác từ các tầng của các khu nhà chợ tiểu thương thu gom và chứa vào các thùng rác của gian hàng mình cuối buổi tổ môi trường khu vực chợ đến thu gom và vận chuyển đến tập kết tại khu nhà tập kết CTR của dự án.

- + Trang bị 3 thùng đựng rác dung tích 100lit/thùng, tại góc khuôn viên cây xanh của khu trường mầm non.

- *Trách nhiệm của UBND xã Hoàng Ngọc:*

- + Bố trí 24 thùng chứa rác thải sinh hoạt công cộng loại 100 lit trong khuôn viên cây xanh; 03 thùng đựng rác dung tích 100lit/thùng tại góc khu vực khuôn viên cây xanh của khu nhà văn hóa.

- + Định kỳ 02 lần/ngày cử tổ vệ sinh thu gom rác thải từ các thùng chứa rác tại dự án và đưa về 02 khu tập kết chất thải rắn chung của dự án.



+ Thuê đơn vị môi trường có chức năng định kỳ nạo vét thường xuyên, hệ thống cống rãnh, bùn bở tự hoại khu vực công cộng: 3-6 tháng/lần.

+ Hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom và đưa đi xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh khu vực công cộng, chăm sóc cây xanh tại khu vực dự án với tần suất 1 lần/ngày.

*3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:*

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

Bố trí khu tập kết CTNH tạm thời, diện tích 50m<sup>2</sup>, xây tường bao che, mái lợp tôn che chắn, bên trong bố trí 02 thùng (dung tích 0,5 lit/thùng) chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định.

- *Trách nhiệm của các hộ dân trong khu dân cư, các nhà đầu tư thứ cấp*

Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH do chủ đầu tư bố trí, nộp phí cho UBND xã Hoàng Ngọc để hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

- *Trách nhiệm của UBND xã Hoàng Ngọc:*

+ Bố trí các thùng nhựa loại 100 lít màu đen dọc tuyến đường nội bộ và khu vực công cộng trong khu dân cư.

+ Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân và khách đến khu vực để thu gom CTNH chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

#### **4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án**

##### **\* Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng**

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

##### *a. Giám sát chất lượng khí thải:*

- *Chỉ tiêu giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- *Vị trí giám sát:*

+ K1: Tại khu vực lán trại công nhân.

+ K2: Tại khu vực thi công dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

##### *b. Giám sát chất lượng nước thải:*

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), NH<sub>4</sub><sup>+</sup> (tính

theo N),  $\text{NO}_3^-$ , Tổng N, Tổng P,  $\text{PO}_4^{3-}$ , Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- *Vị trí giám sát*: 02 mẫu:

+ NT: Nước thải sau 02 bể lắng nước thải xây dựng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung.

- *Quy chuẩn áp dụng*:

+ QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

\* ***Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động***

*Giám sát chất lượng nước thải*:

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: pH; BOD<sub>5</sub>; TSS; Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S); Amoni (tính theo N); Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P); Tổng Coliforms.

- *Vị trí giám sát*: 02 vị trí

+ NT1: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ NT2: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung

- *Quy chuẩn áp dụng*:

+ QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.